

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/HNGĐ-ST

Ngày 29/3/2023

*“V/v tranh chấp ly hôn và chia tài sản
chung giữa bà H và ông B”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Diễn

2. Ông Phạm Trọng Thứ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Gien Ny – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Vũ Công Huân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 85/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp “*Ly hôn và chia tài sản chung*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2022, quyết định hoãn phiên tòa số 02/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số 05/2023/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 13/2023/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H sinh năm 1960

- Bị đơn: Ông Nguyễn Đạt B sinh năm 1962

Cùng nơi cư trú: Thôn M, xã T, huyện P, tỉnh Thái B.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân xã T

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Viết D

Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

(Tại phiên tòa có mặt bà H, ông B; vắng mặt ông D – có đơn xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Đạt B tự do, tự nguyện tìm hiểu dẫn đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào ngày 04/3/1993. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại T. Quá trình chung sống đến tháng 6/2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, không thương yêu thông cảm cho nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm sống nhất là trong việc dạy con, ông B còn đánh đập, hành hạ chửi bới, xúc phạm bà. Mâu thuẫn căng thẳng vào tháng 10/2019, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng giữa bà và ông B không còn, bà xin ly hôn ông B.

2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Đạt V sinh ngày 01/8/1994 và Nguyễn Thị M sinh ngày 17/12/2000. Ly hôn, các con chung đều đã trưởng thành nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng.

3. Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung, gồm:

- 105m² đất ở, giá trị: 105m² x 1.500.000 đồng/m² = 157.500.000 đồng. Tiếp giáp với đất ở là đất thủy lợi (bờ mương) thuộc quyền quản lý của UBND xã T diện tích 28,5m². Nguồn gốc do nhận chuyển nhượng của bà Phạm Thị M1 từ khoảng năm 1998 nhưng đến năm 2003 hai bên thực hiện thủ tục chuyển nhượng theo quy định.

- Về các tài sản trên đất: 01 nhà ở hai tầng xây năm 2000, diện tích 78m² giá trị còn lại 72.385.000 đồng; 01 công trình phụ xây dựng năm 2013, diện tích 10,2m², giá trị còn lại 4.000.000 đồng + 01 bể nước trên công trình phụ giá trị còn lại 658.000 đồng; 01 bếp + nhà ngang xây dựng năm 2013 diện tích 18,5m² giá trị còn lại 28.398.000 đồng, trên bếp có 01 bể giá trị còn lại 439.000 đồng; 01 mái lợp Proximãng diện tích 15m² giá trị còn lại 181.000 đồng; phần lợp mái tôn trước nhà diện tích 39,3m² (bao gồm cả hệ thống tường bao xung quanh) giá trị còn lại 11.142.000 đồng (cùng làm năm 2016); 01 cổng hai cánh bằng thép nước; giá trị còn lại 1.000.000 đồng; Trụ cổng; giá trị hiện còn 1.000.000 đồng. Tổng giá trị là 119.203.000 đồng. Sân xi măng trước nhà khoảng 25m², không yêu cầu định giá.

- Các tài sản khác là máy móc: 01 máy cày Kubota mua khoảng năm 2018, giá trị còn lại 25.000.000 đồng; 01 xe máy Dream Việt Nam, mua khoảng năm 2009, xe đăng ký tên ông B, hiện đã mất đăng ký xe, giá trị còn lại 500.000 đồng; 02 máy bơm nước bằng dầu, mua năm 2016, giá trị còn lại 500.000 đồng/cái x 2 = 1.000.000 đồng; 01 máy bơm nước bằng điện mua năm 2019, giá trị còn lại 500.000 đồng; 01 máy bơm bằng xăng, giá trị còn lại 500.000 đồng; 01 máy bơm

phân, mua năm 2018, giá trị còn lại 1.000.000 đồng; 02 máy phun thuốc trừ sâu + B, dây phun thuốc, mua năm 2018, giá trị còn lại 500.000 đồng/máy x 2 = 1.000.000 đồng. Tổng giá trị 29.500.000 đồng.

Tổng cộng giá trị tài sản chung là (157.500.000 + 117.203.000 + 2.000.000 + 29.500.000) đồng = 306.203.000 đồng.

Ngoài ra, còn các tài sản là đồ dùng sinh hoạt trong gia đình gồm: Giường, tủ lạnh, quạt, bàn ghế, tủ thờ và bàn thờ bà để lại cho ông B sử dụng và không yêu cầu định giá. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tất cả các tài sản ông B đang quản lý, sử dụng.

Ly hôn, về giá trị tài sản chung bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về đất ở mỗi người được $\frac{1}{2}$ diện tích, bà có nguyện vọng được chia phần đất có nhà ở hai tầng kéo thẳng xuống có công trình phụ phía sau. Trường hợp phải cắt bỏ một phần diện tích nhà ở hai tầng để chia đất thì bà cũng chấp nhận nhưng tại phiên tòa bà có nguyện vọng nhường cho ông B phần đất có nhà ở hai tầng kéo thẳng xuống có công trình phụ phía sau, bà nhận phần đất còn lại cùng các tài sản trên đất. Sân xi măng trước nhà sẽ được chia với phần đất tương ứng. Các tài sản khác là máy móc bà để cho ông B sử dụng. Ai được chia giá trị tài sản nhiều hơn thì sẽ phải trả chênh lệch về tài sản cho cho người được chia giá trị tài sản ít hơn.

4.Về tài sản riêng: 01 công nông đầu dọc, cả mooc chạy bằng dầu, mua trước năm 2019 là tài sản riêng của ông B do bố ông B để lại cho, hiện ông B đang quản lý, sử dụng không yêu cầu định giá.

5.Về nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

6.Về chi phí tố tụng: Toàn bộ chi phí tố tụng 4.550.000 đồng tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản bà tự nguyện nhận chịu, bà đã nộp đủ, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hoà giải và trong quá trình xét xử ông Nguyễn Đạt B trình bày.

1.Về quan hệ hôn nhân: Ông xác định thời gian, điều kiện và H cảnh kết hôn như bà Nguyễn Thị H đã trình bày là đúng. Quá trình chung sống đến tháng 8/2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong việc dạy con, cùng thời gian đó vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay bà H có đơn xin ly hôn, ông xác định tình cảm vợ chồng giữa ông và bà H vẫn còn, ông không nhất trí ly hôn bà H.

2.Về con chung: Ông xác nhận ông và bà Nguyễn Thị H có 02 con chung như bà H đã trình bày là đúng. Ly hôn, các con chung đều đã trưởng thành nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng.

3.Về tài sản chung: Ông xác nhận vợ chồng có các tài sản chung, cách chia giá trị tài sản chung như bà Nguyễn Thị H đã trình bày là đúng. Ông cũng nhất trí

nhận toàn bộ tài sản là máy móc. Về đất ở ông đề nghị chia theo hiện trạng nhà ở hai tầng, ông nhận phần đất có nhà ở hai tầng kéo thẳng xuống có công trình phụ phía sau, để cho bà H phần đất còn lại cùng tài sản trên đất đó.

Ông nhất trí với ý kiến của bà H về tài sản là đồ dùng sinh hoạt trong gia đình gồm: Giường, tủ lạnh, quạt, bàn ghế, tủ thờ và bàn thờ bà H để hết lại cho ông sử dụng và không yêu cầu định giá. Không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về tài sản riêng: Ông xác nhận ông có tài sản riêng và nguồn gốc tài sản riêng như bà H đã trình bày là đúng.

5. Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án ông B không có ý kiến gì về nợ chung nhưng tại phiên tòa ông B có yêu cầu đề nghị giải quyết khoản nợ chung của ông T và ông N, tổng cộng 10.000.000 đồng nhưng ông không có tài liệu nào để chứng minh.

6. Về chi phí tố tụng: Ông nhất trí để bà H nhận chịu cả 4.550.000 đồng tiền chi phí tố tụng.

Tại Công văn số 197/UBND ngày 22/8/2022, đơn xin xét xử vắng mặt người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ông Nguyễn Viết D trình bày:

Theo Quyết định số 78/QĐ-UB ngày 22/01/2003 của UBND huyện P về việc cho phép chuyển nhượng quyền sử dụng đất đai thì bà Nguyễn Thị H nhận chuyển nhượng từ bà Phạm Thị M1 và được sử dụng diện tích 134m² đất thổ cư tại thửa số 114, tờ bản đồ số 02, thuộc địa bàn hành chính xã T, huyện P nhưng theo sổ giao đất trước ngày 15/10/1993 cho bà Phạm Thị M1 thể hiện diện tích 105m² đất ở. Trong quá trình đo đạc lại thửa đất trên từ năm 1998 – 2000 đã gộp diện tích đất ở 105m² với đất hành lang giao thông (bờ mương) 29m² nên có tổng diện tích đất 134m². Do trong quá trình kê khai và thẩm định hồ sơ có sơ xuất, xác minh chưa thống nhất dẫn đến có sự sai sót về diện tích đất trong quyết định cho phép chuyển nhượng nên đã cho phép chuyển nhượng cả diện tích đất hành lang giao thông (bờ mương) nhưng thực tế chỉ được phép chuyển nhượng 105m². Vì vậy, ông B, bà H chỉ được sử dụng 105m². Sau khi thẩm định lại thì diện tích đất hành lang giao thông là 28,5m², sở dĩ diện tích đất thủy lợi giảm 0,5 m² so với trước kia là do sai số trong đo đạc. Đề nghị Tòa án giải quyết phân chia tài sản là quyền sử dụng 105m² đất ở của ông B, bà H theo quy định của pháp luật, đối với công trình xây dựng trên đất thủy lợi nếu như Nhà nước thu hồi thì ai đang sử dụng tài sản này thì có trách nhiệm tự tháo dỡ và tự bỏ kinh phí tháo dỡ theo quy định.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái B về giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 33, 59, 62 và 43 Luật Hôn nhân gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn ông Nguyễn Đạt B.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Đạt B có 02 con chung là Nguyễn Đạt V sinh ngày 01/8/1994 và Nguyễn Thị M sinh ngày 17/12/2000. Ly hôn, các con chung đều đã trưởng thành nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng.

Về chia tài sản chung: Tổng giá trị tài sản chung của bà H, ông B còn lại là 299.706.000 đồng. Bà H, ông B mỗi người được chia $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản tương ứng số tiền 299.706.000 đồng: 2 = 149.853.000 đồng.

- Chia cho bà H được sử dụng 48,4m² đất ở, giá trị: 48,4m² x 1.500.000đồng/m² = 72.600.000 đồng, cùng các tài sản trên đất gồm: 01 bếp + nhà ngang diện tích 18,5m² giá trị còn lại 28.398.000 đồng, trên bếp có 01 bể giá trị còn lại 439.000 đồng; 01 mái lợp Proximãng diện tích 15m² giá trị còn lại 181.000 đồng; Phần tôn trước nhà 18,8m² (cùng tường bao xung quanh, trong đó có 14,2m² nằm trên đất thủy lợi) giá trị còn lại 5.331.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bà H được chia và sử dụng 106.949.000 đồng. Bà Nguyễn Thị H được nhận thanh toán tiền chênh lệch về chia tài sản từ ông Nguyễn Đạt B số tiền 42.904.000 đồng.

Tạm giao cho bà H tiếp tục được sử dụng 14,2m² đất thủy lợi (trước nhà)

- Chia và giao cho ông Nguyễn Đạt B được sử dụng 56,6m² đất ở, giá trị: 56,6m² x 1.500.000đồng/m² = 84.900.000 đồng, cùng các tài sản trên đất gồm: 01 nhà ở hai tầng, giá trị còn lại 65.888.000 đồng; 01 công trình phụ, diện tích 10,2m², giá trị còn lại 4.000.000 đồng + 01 bể nước trên công trình phụ giá trị còn lại 658.000 đồng; phần tôn trước nhà 20,5m² (cùng tường bao xung quanh, trong đó có 14,3m² nằm trên đất thủy lợi) giá trị còn lại 5.811.000 đồng; 01 công hai cánh bằng tip nước + trụ cổng giá trị còn lại 2.000.000 đồng (cổng và trụ cổng nằm trên đất thủy lợi);

Ghi nhận sự thoả thuận của bà H ông B, chia và giao cho ông B sở hữu các tài sản: 01 máy cày Kubota mua khoảng năm 2018, giá trị còn lại 25.000.000 đồng; 01 xe máy dream Việt Nam, mua khoảng năm 2009, xe đăng ký tên ông B, giá trị còn lại 500.000 đồng; 02 máy bơm nước bằng dầu, mua năm 2016, giá trị còn lại 500.000đồng/cái x 2 = 1.000.000 đồng; 01 máy bơm nước bằng điện mua năm 2019, giá trị còn lại 500.000 đồng; 01 máy bơm bằng xăng, giá trị còn lại 500.000 đồng; 01 máy bón phân, mua năm 2018, giá trị còn lại 1.000.000 đồng; 02 máy phun thuốc trừ sâu + B, dây phun thuốc, mua năm 2018, giá trị còn lại 500.000 đồng/máy x 2 = 1.000.000 đồng.

Tổng cộng giá trị tài sản ông B được chia là 192.757.000 đồng.

Ông B có trách nhiệm chia trả tiền chênh lệch về tài sản cho bà H số tiền 42.904.000 đồng.

Tạm giao cho ông B tiếp tục được sử dụng 14,3m² đất thủy lợi (trước nhà)

Ông B có trách nhiệm tháo một phần của nhà ở hai tầng trên phần đất mà bà H được chia để giao trả lại diện tích đất cho bà H; cụ thể: dài 4,5m; độ rộng ở phía Đông 0,8m ở phía Tây 0,75m tính từ mép ngoài cùng của tường xây, có tổng diện tích $3,5\text{m}^2 \times 2 = 7\text{m}^2$;

Giường, tủ lạnh, quạt, bàn ghế, tủ thờ và bàn thờ bà H để hết lại cho ông B sử dụng và không yêu cầu định giá. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: 01 công nông đầu dọc, cả mooc chạy bằng dầu do bố ông B để lại cho ông B. Tại phiên tòa ông B có nợ chung nhưng ông không đưa ra được căn cứ chứng minh nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chi phí tố tụng: Bà H tự nguyện nhận chịu cả số tiền chi phí tố tụng 4.550.000 đồng, bà H đã nộp đủ.

Về án phí: Bà H, ông B là người cao tuổi và đều có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà H và ông B. Trả lại bà H số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kiểm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị H khởi kiện ly hôn và chia tài sản chung với ông Nguyễn Đạt B. Do ông B là bị đơn cư trú tại Thôn M, xã T, huyện P, tỉnh Thái B nên Tòa án nhân dân huyện P, thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử là phù hợp với khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân

Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Đạt B được UBND xã T cấp đăng ký kết hôn số 06 ngày 04/3/1993 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đến tháng 9/2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống nhất là trong việc nuôi dạy con. Mâu thuẫn căng thẳng vào tháng 10/2019, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay bà H xác định tình cảm vợ chồng giữa bà và ông B không còn, bà xin ly hôn ông B, còn ông B xác định tình cảm vợ chồng giữa ông và bà H vẫn còn, ông không nhất trí ly hôn bà H nhưng ông

không tìm ra biện pháp nào có hiệu quả để hàn gắn cải thiện quan hệ vợ chồng. Toà án đã tiến hành hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả mặt khác thời gian vợ chồng ly thân đã lâu, không ai quan tâm đến ai, hôn nhân của ông bà chỉ tồn tại về mặt hình thức nên cần xử cho bà H được ly hôn ông B là phù hợp với Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Đạt B có 02 con chung là Nguyễn Đạt Vsinh ngày 01/8/1994 và Nguyễn Thị M sinh ngày 17/12/2000. Ly hôn, các con chung đều đã trưởng thành nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng.

[4] Về tài sản chung và giá trị tài sản chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Đạt B có các tài sản chung gồm:

- 105m² đất ở tại thửa 114, tờ bản đồ số 02, Thôn M, xã T. Nguồn gốc do nhận chuyển nhượng của bà Phạm Thị M1 từ khoảng năm 1998, khoảng năm 2000 thì bà H, ông B làm nhà ở, đến năm 2003 hai bên làm thủ tục chuyển nhượng theo quy định. Mặc dù trong quyết định cho phép chuyển nhượng thể hiện tên của bà H nhưng đây là tài sản hình thành trong thời kỳ hôn nhân nên đây là tài sản chung của vợ chồng. Tại Quyết định số 78/QĐ-UB ngày 22/01/2003 của UBND huyện P về việc cho phép chuyển nhượng quyền sử dụng đất đai thì bà Nguyễn Thị H nhận chuyển nhượng từ bà Phạm Thị M1 và được sử dụng diện tích 134m² đất thổ cư nhưng theo sổ giao đất trước ngày 15/10/1993 cho bà Phạm Thị M1 thể hiện diện tích 105m² đất ở, không thể hiện số đo các cạnh. Trong quá trình đo đạc lại thửa đất trên từ năm 1998 – 2000 đã gộp diện tích đất ở 105m² với đất hành lang giao thông (bờ mương) 29m² nên có tổng diện tích đất 134m² nên bà H, ông B chỉ được sử dụng 105m² đất ở, có số đo các cạnh: phía Đông 8,39m giáp mương tiêu; phía Tây 7,61m giáp bà Nguyễn Thị M2; phía Nam (15,26 + 1,55)m giáp ông Nguyễn Đăng T2 và bà Nguyễn Thị M2; phía Bắc (12,86 + 1,55 + 1,50)m giáp ông Nguyễn Viết R2. Năm 2013 thực hiện đo đạc theo dự án Vlap thì thửa đất có diện tích 134,2m². Kết quả thẩm định đo đạc thửa đất có tổng diện tích 133,5m², trong đó có 105m² đất ở và 28,5m² đất thủy lợi. So với sổ giao đất thì đất hành lang giao thông giảm 0,5 m² là do sai số trong đo đạc. 105m² đất ở có số đo các cạnh: phía Đông 8,45m giáp mương tiêu; phía Tây 7,87m giáp bà Nguyễn Thị M2; phía Nam (10,87 + 1,74)m giáp ông Nguyễn Đăng T2 và bà Nguyễn Thị M2; phía Bắc (1,28 + 8,94 + 1,15 + 1,47)m giáp ông Nguyễn Viết R2.

Số đo các cạnh của đo đạc thẩm định có khác so với số đo giai đoạn 1998 – 2000 nhưng diện tích không đổi, thửa đất sử dụng ổn định, không có tranh chấp nên cần tôn trọng số đo các cạnh này.

Đất ở có giá trị: $105\text{m}^2 \times 1.500.000\text{đồng/m}^2 = 157.500.000\text{ đồng}$.

- Về các tài sản trên đất:

Về nhà cùng công trình xây dựng trên đất: 01 nhà ở hai tầng xây năm 2000, diện tích 78m² giá trị còn lại 72.385.000 đồng; 01 công trình phụ xây dựng năm 2013, diện tích 10,2m², giá trị còn lại 4.000.000 đồng + 01 bể nước trên công trình phụ giá trị còn lại 658.000 đồng; 01 bếp + nhà ngang xây dựng năm 2013 diện tích

18,5m² giá trị còn lại 28.398.000 đồng, trên bếp có 01 bể giá trị còn lại 439.000 đồng; 01 mái lợp Proximãng diện tích 15m² giá trị còn lại 181.000 đồng; phần lợp mái tôn trước nhà (bao gồm cả tường bao xung quanh) diện tích 39,3m², làm năm 2016, giá trị còn lại 11.142.000 đồng; trụ cổng giá trị còn lại 1.000.000 đồng; 01 cổng hai cánh bằng típ nước, giá trị còn lại 1.000.000 đồng. Tổng giá trị 119.303.000 đồng. Sân xi măng trước nhà khoảng 25 m², không yêu cầu định giá, thoả thuận chia tương ứng với đất được nhận.

- Các tài sản khác: 01 máy cày Kubuta mua khoảng năm 2018, giá trị còn lại 25.000.000 đồng; 01 xe máy dream Việt Nam, mua khoảng năm 2009, xe đăng ký tên ông B, hiện đã mất đăng ký xe, giá trị còn lại 500.000 đồng; 02 máy bơm nước bằng dầu, mua năm 2016, giá trị còn lại 500.000đồng/cái x 2 = 1.000.000 đồng; 01 máy bơm nước bằng điện mua năm 2019, giá trị còn lại 500.000 đồng; 01 máy bơm bằng xăng, giá trị còn lại 500.000 đồng; 01 máy bón phân, mua năm 2018, giá trị còn lại 1.000.000 đồng; 02 máy phun thuốc trừ sâu + B, dây phun thuốc, mua năm 2018, giá trị còn lại 500.000 đồng/máy x 2 = 1.000.000 đồng. Tổng giá trị 29.500.000 đồng.

Tổng cộng giá trị tài sản chung của bà H, ông B là 157.500.000 + 119.303.000 + 29.500.000) đồng = 306.203.000 đồng.

Ngoài ra, còn các tài sản là đồ dùng sinh hoạt trong gia đình gồm: Giường, tủ lạnh, quạt, bàn ghế, tủ thờ, bàn thờ,... bà H, ông B thống nhất không chia mà để hết lại cho ông B sử dụng và không yêu cầu định giá. Không yêu cầu Toà án giải quyết.

[5] Về chia tài sản chung của vợ chồng:

Cả bà H và ông B đều có ý kiến đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Bà H, ông B bên đều không đưa ra được căn cứ ai có công sức đóng góp nhiều hơn trong việc hình thành tài sản chung nên bà H, ông B mỗi người được chia ½ giá trị tài sản chung.

Về chia quyền sử dụng đất và nhà ở thấy rằng: Bà H và ông B đều là người cao tuổi, không thể tự tạo lập được chỗ ở mới, cùng có nguyện vọng được sử dụng đất và lấy phần đất có nhà ở nhưng tại phiên toà bà H có ý kiến bà nhường cho ông B phần đất có nhà ở nên chia phần đất có nhà ở cho ông B được sử dụng, còn chia phần đất còn lại cho bà H được sử dụng. Do nhà ở được xây trên phần lớn diện tích đất nên không thể chia đều diện tích đất ở cho bà H và ông B mỗi người được chia ½, cũng không có căn cứ chấp nhận ý kiến của ông B về việc chia đất theo hiện trạng nhà ở hai tầng. Cần tháo dỡ một phần diện tích nhà ở hai tầng thì mới đảm bảo được diện tích đất hai bên được chia cũng như đảm bảo được giá trị sử dụng của thửa đất, riêng đối với nhà ở hai tầng việc tháo dỡ một phần diện tích vẫn sửa chữa được, không ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của ngôi nhà, cần trừ đi phần giá trị diện tích bị tháo dỡ nên giá trị của ngôi sẽ không còn giá trị như ban đầu. Như vậy, chia cho ông B được sử dụng phần đất có nhà ở hai tầng cùng công trình phụ,

bể nước phía sau nhưng ông B phải tháo dỡ một phần nhà ở hai tầng để trả đất cho bà H, còn bà H được chia phần đất còn lại cùng tài sản trên đất.

Về diện tích đất thủy lợi: Tạm giao cho bà H, ông B tiếp tục sử dụng diện tích đất thủy lợi và sử dụng tài sản trên đất đó. Cần chấp nhận ý kiến của UBND xã T, khi nào Nhà nước thu hồi đất thì bà H, ông B có trách nhiệm trả lại diện tích đất thủy lợi và tự tháo dỡ phần tài sản trên đất, kinh phí bà H, ông B phải tự chịu.

Đối với các tài sản là máy cày, xe máy, 02 máy bơm nước bằng dầu, 01 máy bơm nước bằng điện, 01 máy bơm bằng xăng, 01 máy bón phân, 02 máy phun thuốc trừ sâu bà H và ông B đều có ý kiến chia cho ông B các tài sản này. Qua xác minh thấy rằng từ khi vợ chồng ly thân, bà H đi làm xa, còn ông B ở nhà sản xuất nông nghiệp, trực tiếp quản lý và sử dụng các tài sản này nên cần ghi nhận sự thỏa thuận của bà H và ông B về việc chia cho ông B các tài sản này.

Do ông B được chia tài sản là động sản và phần lớn diện tích đất, trên đất lại có nhà ở có giá trị hơn các công trình xây dựng trên đất khác mà bà H được chia nên ông B phải có trách nhiệm trả chênh lệch về tài sản cho bà H, bà H được nhận tiền trả chênh lệch từ ông B.

Việc chia tài sản chung của bà H, ông B như trên là phù hợp với quy định tại Điều 33, 59 và 62 của Luật Hôn nhân gia đình.

[6] Về tài sản riêng: Bà H, ông B thống nhất có 01 công nông đầu dọc, cả mooc chạy bằng dầu, mua trước năm 2019, là tài sản riêng của ông B do bố ông B mua để lại cho nên không yêu cầu định giá là phù hợp với quy định tại Điều 43 Luật Hôn nhân gia đình.

[7] Về chi phí tố tụng: Toàn bộ chi phí tố tụng 4.550.000 đồng tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản bà H tự nguyện nhận chịu, bà H đã nộp đủ, bà không yêu cầu Toà án giải quyết nên HĐXX không xét.

[8] Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Bà H ông B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Tuy nhiên, bà H và ông B đều người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên miễn nộp tiền án phí chia tài sản cho bà H và ông B là phù hợp với quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 và điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bà H đã nộp tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm nên cần trả lại cho bà H tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[10] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 33, 59, 62 và 43 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 26, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn ông Nguyễn Đạt B.

2. Về con chung: Con chung Nguyễn Đạt V sinh ngày 01/8/1994 và Nguyễn Thị M sinh ngày 17/12/2000 đều đã trưởng thành nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng.

3. Về tài sản chung và giá trị tài sản chung

Bà H và ông B có các tài sản chung gồm:

- 105m² đất ở đất ở, tại thửa đất số 322, tờ bản đồ số 16, địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện P, tỉnh Thái B (chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) trị giá: 105m² x 1.500.000 đồng/m² = 157.500.000 đồng

- Các tài sản trên đất: 01 nhà ở hai tầng xây năm 2000 sau khi bị tháo dỡ một phần, diện tích còn lại 71m² tương ứng với giá trị 65.888.000 đồng; 01 công trình phụ xây dựng năm 2013, diện tích 10,2m², giá trị còn lại 4.000.000 đồng + 01 bể nước trên công trình phụ giá trị còn lại 658.000 đồng; 01 bếp + nhà ngang xây dựng năm 2013 diện tích 18,5m² giá trị còn lại 28.398.000 đồng, trên bếp có 01 bể giá trị còn lại 439.000 đồng; 01 mái lợp Proximăng diện tích 15m² giá trị còn lại 181.000 đồng; phần lợp mái tôn trước nhà diện tích 39,3m² - bao gồm cả tường bao xung quanh giá trị còn lại 11.142.000 đồng (cùng làm năm 2016); 01 cổng hai cánh bằng thép nước; giá trị còn lại 1.000.000 đồng; trụ cổng; giá trị hiện còn 1.000.000 đồng. 01 sân xi măng trước nhà khoảng 25 m² (không yêu cầu định giá và thỏa thuận chia tương ứng với phần đất được chia).

- Các tài sản khác: 01 máy cày Kubota mua khoảng năm 2018, giá trị còn lại 25.000.000 đồng; 01 xe máy Dream Việt Nam, mua khoảng năm 2009, giá trị còn lại 500.000 đồng; 02 máy bơm nước bằng dầu, mua năm 2016, giá trị còn lại 500.000đồng/cái x 2 = 1.000.000 đồng; 01 máy bơm nước bằng điện mua năm 2019, giá trị còn lại 500.000 đồng; 01 máy bơm bằng xăng, giá trị còn lại 500.000 đồng; 01 máy bón phân, mua năm 2018, giá trị còn lại 1.000.000 đồng; 02 máy phun thuốc trừ sâu + B, dây phun thuốc, mua năm 2018, giá trị còn lại 500.000 đồng/máy x 2 = 1.000.000 đồng.

Tổng cộng giá trị tài sản chung của bà H, ông B là 299.706.000 đồng. Bà H, ông B mỗi người được chia $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản tương đương số tiền 299.706.000 đồng : 2 = 149.853.000 (Một trăm bốn mươi chín triệu tám trăm năm mươi ba nghìn đồng).

4. Về chia tài sản chung:

4.1. Xử giao, chia cho bà Nguyễn Thị H được sử dụng:

- Đất ở 48,4m², giá trị: 48,4m² x 1.500.000 đồng/m² = 72.600.000 đồng; có số các cạnh cụ thể như sau:

- + Phía Đông 3,77m giáp mương tiêu (thuỷ lợi);
- + Phía Tây 3,87m giáp bà Nguyễn Thị M2;
- + Phía Nam (10,87 + 1,74)m giáp ông Nguyễn Đăng T và bà Nguyễn Thị M2;

+ Phía Bắc 12,26m giáp phần đất ông Nguyễn Đạt B được chia.

- Các tài sản trên đất gồm:

01 bếp + nhà ngang diện tích 18,5m² giá trị còn lại 28.398.000 đồng, trên bếp có 01 bể giá trị còn lại 439.000 đồng; 01 mái lợp Proximăng diện tích 15m² giá trị còn lại 181.000 đồng; phần mái tôn trước nhà 18,8m² (cùng tường bao xung quanh, trong đó có 14,2m² nằm trên đất thuỷ lợi) giá trị còn lại 5.331.000 đồng

Tổng giá trị tài sản bà H được chia và sử dụng 106.949.000 đồng

- Bà Nguyễn Thị H được nhận thanh toán tiền chênh lệch về chia tài sản từ ông Nguyễn Đạt B số tiền 42.904.000 đồng (*Bốn mươi hai triệu chín trăm linh bốn nghìn đồng*).

Tạm giao cho bà H tiếp tục được sử dụng 14,2m² đất thuỷ lợi (trước nhà)

3.2. Chia và giao cho ông Nguyễn Đạt B được sử dụng các tài sản gồm:

- Đất ở 56,6m², giá trị: 56,6m² x 1.500.000đồng/m² = 84.900.000 đồng, có số các cạnh cụ thể như sau:

- + Phía Đông 4,68m giáp mương tiêu (thuỷ lợi);
- + Phía Tây 4 m giáp bà Nguyễn Thị M2;
- + Phía Nam 12,26m giáp phần đất của bà H được chia
- + Phía Bắc (1,28 + 8,94 + 1,15 + 1,47)m giáp ông Nguyễn Viết R.

Ông B có trách nhiệm tháo một phần của nhà ở hai tầng trên phần đất mà bà H được chia để giao trả lại diện tích đất cho bà H; cụ thể: dài 4,5m; độ rộng ở phía Đông 0,8m ở phía Tây 0,75m tính từ mép ngoài cùng của tường xây, có tổng diện tích 3,5m² x 2 = 7m²;

- Sử dụng các tài sản trên đất: 01 nhà ở hai tầng, giá trị còn lại 65.888.000 đồng; 01 công trình phụ, diện tích 10,2m², giá trị còn lại 4.000.000 đồng + 01 bể nước trên công trình phụ giá trị còn lại 658.000 đồng; Mái tôn trước nhà 20,5m² (cùng tường bao xung quanh, trong đó có 14,3m² nằm trên đất thuỷ lợi) giá trị còn lại 5.811.000 đồng; 01 cống hai cánh bằng tít nước + trụ cống giá trị còn lại 2.000.000 đồng;

- 01 máy cày Kubuta mua khoảng năm 2018, giá trị còn lại 25.000.000 đồng; 01 xe máy dream Việt Nam, mua khoảng năm 2009, xe đăng ký tên ông B, giá trị còn lại 500.000 đồng; 02 máy bơm nước bằng dầu, mua năm 2016, giá trị còn lại 500.000đồng/cái x 2 = 1.000.000 đồng; 01 máy bơm nước bằng điện mua năm 2019, giá trị còn lại 500.000 đồng; 01 máy bơm bằng xăng, giá trị còn lại 500.000 đồng; 01 máy bón phân, mua năm 2018, giá trị còn lại 1.000.000 đồng; 02 máy phun thuốc trừ sâu + B, dây phun thuốc, mua năm 2018, giá trị còn lại 500.000 đồng/máy x 2 = 1.000.000 đồng.

Tổng cộng giá trị tài sản ông B được chia là 192.757.000.

Ông B có trách nhiệm chia trả tiền chênh lệch về tài sản cho bà H số tiền 42.904.000 đồng (*Bốn mươi hai triệu chín trăm linh bốn nghìn đồng*).

Tạm giao cho ông B tiếp tục được sử dụng 14,3m² đất thủy lợi (trước nhà)

(Phần đất và tài sản là nhà, quyền sử dụng đất bà H, ông B được chia cùng phần nhà ở ông B phải tháo dỡ để trả lại diện tích đất cho bà H cụ thể như sơ đồ kèm theo bản án)

5.Về tài sản riêng: 01 công nông đầu dọc, cả mooc chạy bằng dầu, mua trước năm 2019, là tài sản riêng của ông Nguyễn Đạt B, không yêu cầu định giá.

6.Về nợ chung: Hội đồng xét xử không giải quyết.

7.Về chi phí tố tụng: Toàn bộ chi phí tố tụng 4.550.000 đồng tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản bà H tự nguyện nhận chịu, bà đã nộp đủ nên Hội đồng xét xử không xét.

8.Về án phí: Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Đạt B. Trả lại bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0004682 ngày 04/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

9.Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và bị đơn ông Nguyễn Đạt B có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan uỷ ban nhân dân xã T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Các đương sự;
- VKSND huyện P;
- Chi cục thi hành án dân sự h.Quỳnh Phụ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Duyên

(Đã ký)